

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất in bảo an 6 triệu phôi thẻ Đảng viên;
- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất;
- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn của Trung tâm kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 400 ngày;
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, địa chỉ: số 145 đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a. Yêu cầu chung:

- Chất lượng: Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau;
- Bản cam kết chất lượng và xuất xứ của hàng hoá khi giao hàng;
- Quy cách đóng gói: Đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.

b. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	8- Hydroquinoline	- CAS: 148-24-3 - Độ tinh khiết: $\geq 98,5\%$ - Dạng tinh thể, màu vàng nhạt - Điểm nóng chảy: $72,0^{\circ}\text{C} - 74,0^{\circ}\text{C}$.
2	Cồn tuyệt đối	- CAS: 64-17-5 - Độ tinh khiết: $\geq 99,7\%$ - Không màu, trong suốt, tan vô hạn trong nước - Tỷ trọng: (ở 20°C): 0,789-0,791 g/ml - Nhiệt độ sôi (ở 1013 hPa): $78,3^{\circ}\text{C}$ - Cặn không tan: $\leq 0,001\%$
3	Cồn công nghiệp 96%	- CAS: 64-17-5 - Độ tinh khiết: $\geq 96\%$

		<ul style="list-style-type: none"> - Không màu, trong suốt, tan vô hạn trong nước - Tỷ trọng: (ở 20°C): 0,794 – 0,807 (g/ml) - Cận không tan: ≤ 0,15 g/ml
4	NH ₄ Cl	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 12125-02-9 - Độ tinh khiết: ≥ 99,5% - Trạng thái: Rắn (Bột kết tinh), màu trắng - PH (50g/l, 25°C): 4,5-5,5 - Độ tan trong nước : 100 mg/ml
5	2-Thenoyltrifluoro acetone	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 326-91-0 - Độ tinh khiết: ≥ 98,5% - Trạng thái: Dạng tinh thể, màu vàng nhạt - Điểm nóng chảy: 40°C - 44°C - Điểm sôi: 96°C - 98°C ở 10hPa - Điểm cháy: 111 - 112°C
6	Metanol	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 67-56-1 - Độ tinh khiết: ≥ 99,5 % - Chất lỏng, không màu, tan vô hạn trong nước - Khối lượng riêng (20°C): 0,799 - 0,8 g/ml - Điểm sôi: 63°C - 65°C - Độ nhớt: 0,55 cPs ở 20°C
7	Na ₂ CO ₃	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 497-19-8 - Độ tinh khiết: ≥ 99,5% - Khối lượng riêng (20°C): 2,52 – 2,53 (g/cm³) - Hàm lượng kim loại nặng: ≤ 5 ppm - Cận không tan: ≤ 0,01%
8	Nước cất 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Độ PH: 6 – 8 - Độ dẫn điện: ≤ 4 μS/cm - Điện trở kháng: ≥ 0,25 Mohm.cm
9	Nước cất 2 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Độ PH: 6 - 8 - Độ dẫn điện: ≤ 1 μS/cm - Điện trở kháng: ≥ 1 Mohm.cm - TOC: ≤ 50 μg/L - Sodium: ≤ 5 μg/L - Chloride: ≤ 5 μg/L - Total silica: ≤ 3 μg/L - Bacteria content: ≤ 3 CFU/mLx
10	Al(NO ₃) ₃ .9H ₂ O	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 7784-27-2 - Trạng thái vật lý: Dạng bột, màu trắng - Hàm lượng: ≥ 98% - Độ tan trong nước: 41,9 g/L ở 20°C - Điểm nóng chảy: 73°C

		<ul style="list-style-type: none"> - PH: 2,5 - 3,5 (20°C, 50 g/L trong nước H₂O) - Hàm lượng tạp chất: ≤05% - Hàm lượng kim loại nặng: ≤ 10 mg/kg
11	EuCl ₃ .6H ₂ O	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 13759-92-7 - Độ tinh khiết: ≥ 99,9% - Dạng tinh thể, màu trắng, tan trong nước - Nhiệt độ nóng chảy: 50°C - Tạp chất: ≤ 2.000 ppm (dầu vết đất hiếm) - Khối lượng riêng (ở 25°C): 4,89 g/mL
12	1.10 Phenalthroline	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 66-71-7 - Độ tinh khiết: ≥ 99% - Dạng tinh thể, màu vàng nhạt - Nhiệt độ nóng chảy: 117 - 119°C - Độ tan: 2,69 g/l
13	Pigment laser hồng ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bột màu trắng hoặc trắng hồng - Lượng ẩm: ≤ 0,1 % - Kích thước hạt trung bình ≤ 6 μm - Chiếu ánh sáng laser 980nm: Phát sáng màu xanh lá cây. - Tỷ trọng: 2,07
14	Pigment hấp thụ hồng ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bột, màu xanh lá cây - Độ ẩm: ≤ 0,1% - Kích thước hạt: ≤ 6 μm - Độ ổn định nhiệt: 130°C - Bước sóng hấp thụ tối đa: 900 - 980 nm - Tan trong ketones - Dưới camera hồng ngoại: màu đen
15	Thuốc nhuộm màu phát quang UVA (LUWY1/A)	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng: bột; màu trắng - Kích thước hạt < 2,5 micro - Độ bền nhiệt: 290°C; - Độ bền sáng: cấp 4 - Dưới bước sóng UVA phát quang màu vàng

1.3. Các yêu cầu khác

- Bên Bán phải có văn bản thông báo cho bên Mua thời gian dự kiến giao hàng trước thời điểm dự kiến bàn giao tối thiểu 01 ngày.

- Yêu cầu về bảo hành:

+ Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

+ Phương thức bảo hành: Bên Bán chịu toàn bộ các chi phí cho việc đổi mới, khắc phục hư hỏng, khuyết tật do lỗi của nhà sản xuất hoặc bên bán trong thời

gian bảo hành. Thời gian thực hiện tối đa 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Địa điểm bảo hành: tại Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, số 145 Đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các bước kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa gồm:

- Bước 1: Kiểm tra xuất xứ, ký mã hiệu, năm sản xuất, quy cách đóng gói, và kiểm đếm số lượng hàng hóa;

- Bước 2: Đối chiếu thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa trên tem nhãn hoặc catalogue của hàng hóa với nội dung thông số kỹ thuật của hàng hóa trong Hợp đồng.

- Bước 3: Nếu hàng hóa đạt yêu cầu đúng theo hợp đồng quy định thì bên Mua làm các thủ tục tiếp nhận hàng, nếu hàng hoá không đảm bảo theo quy định của hợp đồng bên Mua sẽ từ chối nhận hàng, toàn bộ chi phí có liên quan do bên Bán chịu.